TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST Ngày 06-6-2024 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phùng Thị Thu;

Bà Vi Hồng Nhung.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: ông Nông Ngọc Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 05/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày ngày 13 tháng 5 năm 2024 và quyết định hoãn phiên toà số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lâm Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: thôn M, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: anh Triệu Văn C, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn M, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lâm Thị H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị Lâm Thị H và anh Triệu Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu trong thời gian ngắn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V,

huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 12/11/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với gia đình nhà chồng tại thôn M, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Tuy nhiên vì lý do kinh tế, gia đình nợ nần nhiều nên từ năm 2016 chị Lâm Thị H có đi làm công ty để kiếm tiền trả nợ. Sau khi đi làm, chị Lâm Thị H đã trả được một số khoản nợ cũng như sửa sang lại nhà cửa. Tuy nhiên đến tháng 6/2023 anh Nông Văn C1 có gọi chị về để giải quyết 1 số công việc nhưng khi chị về nhà thì anh C1 lại chửi mắng và đánh đuổi chị đi, bản thân chị cảm thấy đã cố gắng rất nhiều cho gia đình nhưng vợ chồng không còn tiếng nói chung, anh C1 thường xuyên nghi ngờ chị có quan hệ ở ngoài, vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2023 đến nay. Do vậy chị yêu cầu được ly hôn với anh Triệu Văn C.

Về con chung: chị Lâm Thị H và anh Triệu Văn C có 03 con chung là cháu Triệu Thúy D, sinh ngày 04/6/2003 (đã trưởng thành); Triệu Thị D1, sinh ngày 14/4/2005 (đã trưởng thành) và Triệu Thị Ngọc B, sinh ngày 11/9/2014. Khi ly hôn, do hiện tại chị Lâm Thị H đang đi làm công ty, cháu Triệu Thị Bích N đã sinh sống ổn định và đang đi học tại trưởng tiểu học xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, cháu N cũng có ý kiến muốn tiếp tục sống với bố do vậy khi ly hôn chị sẽ để anh Triệu Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Thị Ngọc B, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Triệu Văn C trình bày:

Về điều kiện kết hôn, anh và chị Lâm Thị Hòa kết h trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 12/11/2002. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống đến năm 2016 vì lý do kinh tế, chị Lâm Thị H bắt đầu đi làm công ty, thời gian đầu còn hay về nhà nhưng sau đó được 01 - 02 năm thì không thấy về thường xuyên nữa, từ tháng 7 âm lịch năm 2023 chị H có về nhà đón cháu B nhưng không ở lại nhà mà đi luôn từ đó đến nay không quay về, nay chị H làm đơn ly hôn, anh Triệu Văn C không có ý kiến gì, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: anh Triệu Văn C và chị Lâm Thị H có 03 con chung như chị Lâm Thị H trình bày. Nếu trong trường hợp Tòa án cho ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Triệu Thị Ngọc B vì từ khi chị H đi làm công ty, cháu B vẫn ở cùng với anh và do anh chăm sóc. Anh không yêu cầu chị Lâm Thị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp

hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Thị H. Cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Lâm Thị H được ly hôn anh Triệu Văn C.

Về con chung: giao cháu Triệu Thị Ngọc B, sinh ngày 11/9/2014 cho anh Triệu Văn C trực tiếp chăn sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Lâm Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh Triệu Văn C không yêu cầu.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị Lâm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn chị Lâm Thị H cung cấp gồm có: Đơn khởi kiện; căn cước công dân của anh Triệu Văn C, chị Lâm Thị H; giấy khai sinh của các cháu Triệu Thị Ngọc B, Triệu Thị D1, Triệu Thúy D; xác nhận thông tin về cư trú số 000006/XN ngày 17/01/2024 của Công an xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; bản tự khai.

Bị đơn anh Triệu Văn C không cung cấp cho Tòa án tài liệu gì.

Tài liệu do Tòa án thu thập được: Biên bản lấy lời khai của anh Triệu Văn C; biên bản xác minh tại thôn M, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; biên bản lấy lời khai của cháu Triệu Thị Ngọc B.

Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên bị đơn anh Triệu Văn C không đến Tòa án nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn anh Triệu Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị Lâm Thị H khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh Triệu Văn C có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Do đó Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Lâm Thị H và anh Triệu Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 12/11/2002 nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do từ năm 2016 chị Lâm Thị H đi làm công ty, còn anh Triệu Văn C ở nhà chăm sóc cháu Triệu Thị Ngọc B từ đó vợ chồng thường xuyên xa cách, không có tiếng nói chung, nghi ngờ lẫn nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2023 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, bản thân bị đơn anh Triệu Văn C cũng không đưa ra ý kiến gì, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật do vậy yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị H là có căn cứ cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: chị Lâm Thị H và anh Triệu Văn C có 03 con chung là cháu Triệu Thúy D, sinh ngày 04/6/2003 (đã trưởng thành); Triệu Thị D1, sinh ngày 14/4/2005 (đã trưởng thành) và Triệu Thị Ngọc B, sinh ngày 11/9/2014. Tại phiên toà, anh Triệu Văn C vắng mặt tuy nhiên trên cơ sở lời khai của anh Triệu Văn C, ý kiến của cháu Triệu Thị Ngọc B cũng như ý kiến của nguyên đơn chị Lâm Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy việc để cháu Triệu Thị Ngọc B cho anh Triệu Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là có căn cứ, phù hợp với ý kiến của các đương sự cũng như nguyện vọng của con chung.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự có ý kiến tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Lâm Thị H phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Triệu Văn C không phải chịu án phí.

[8] Quan điểm, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp về nội dung của vụ án và án phí là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; các Điều 266, 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Lâm Thị H được ly hôn với anh Triệu Văn C.

2. Về con chung: anh Triệu Văn C được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Thị Ngọc B, sinh ngày 11/9/2014 kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Lâm Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn: chị Lâm Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh Triệu Văn C không yêu cầu.

4. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: chị Lâm Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Lâm Thị H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005653 ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lâm Thị H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Triệu Văn C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Vạn Linh, huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Phan Thị Thanh Huyền